

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1577/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 27 – 9 – 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Huệ

Ông Vũ Khánh Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thục Đoan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 924/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 43/1 đường số 21, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Hậu Tích Thanh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 307/28/2 đường số 10, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:*

Chị và anh Hậu Tích Thanh T có quen biết và tìm hiểu nhau. Đến năm 2019 thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 141, ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, nhiều lần anh T đã đánh đập và chửi những lời thô tục đối với chị B. Nay, nhận thấy tình cảm dành cho anh T không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hậu Tích Thanh T, sinh ngày 15/6/2019. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hậu Tích Thanh T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa để làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B có đơn xin vắng mặt với lý do bận công việc đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hậu Tích Thanh T, sinh ngày 15/6/2019. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hậu Tích Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cùng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ cũng như trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B, án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Hậu Tích Thanh T, cư trú tại số 307/28/2 đường số 10, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hậu Tích Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cùng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 141, ngày 30 tháng 7 năm 2019 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Hậu Tích Thanh T đã có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của chị B và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B xác định tình cảm dành cho anh T hiện nay không còn vì giữa hai bên đã xảy ra quá nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, anh T nhiều lần đánh đập chị và dùng những lời lẽ thô tục. Vợ chồng không còn tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung và anh T không còn quan tâm đến chị, chị và anh T đã cố gắng hàn gắn

tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Hậu Tích Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến Tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của anh T. Tuy nhiên, trong trường hợp này cho thấy anh T không thực sự có thiện chí đoàn tụ với chị B. Do đó, xét thấy nếu có tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân giữa chị B và anh T cũng không thể đem lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã thực sự trầm trọng, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc B là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Hậu Tích Thanh T, sinh ngày 15/6/2019. Xét yêu cầu của chị B về việc chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: trẻ T còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của của người mẹ và hiện nay trẻ T đang ở với chị B, do đó để tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và ảnh hưởng tâm lý của trẻ. Vì vậy, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B: giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Xét việc chị B tự nguyện nuôi trẻ Tú và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con đây là ý chí hoàn toàn tự nguyện của chị B. Căn cứ Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014 về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị B. Nhưng để đảm bảo cuộc sống và quyền lợi của trẻ sau này, chị B có quyền yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác khi chị có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

*[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Hậu Tích Thanh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 141 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Hậu Tích Thanh T không còn hiệu lực).

Về con chung: Giao con chung tên là Hậu Tích Thanh T, sinh ngày 15/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.  
Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0048643 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, TpHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**